

PHỤ NỮ MÊ-KÔNG **VÀ** **DỮ LIỆU MỞ**

Báo cáo Việt Nam



OPEN DEVELOPMENT INITIATIVE
AN EAST-WEST MANAGEMENT INSTITUTE PROJECT

Một môi trường thông tin do Chính phủ kiểm soát nghiêm ngặt sẽ tác động đến khả năng tiếp cận thông tin

Bối cảnh

Việt Nam là một quốc gia thu nhập trung bình thấp. Khả năng tiếp cận chung của phụ nữ với các nguồn lực như giáo dục, y tế đã được cải thiện, tuy nhiên bất bình đẳng giới trong thể chế và văn hóa vẫn còn đó. Tỷ lệ nữ giới đảm nhiệm các vị trí quản lý trong Chính phủ và chính trị còn thấp dù tỉ lệ nữ giới tham gia lực lượng lao động cao, các số liệu chính thức đã chỉ ra rằng thu nhập trung bình của nữ giới thấp hơn so với nam giới.[1]

Chính phủ Việt Nam kiểm soát thông tin và dữ liệu trong nước. Chính phủ là nguồn cung cấp dữ liệu công duy nhất và có thẩm quyền phê duyệt và phổ biến thông tin. Điều này không tuân theo các tiêu chuẩn về dữ liệu mở. Hiện có rất ít nguồn thông tin độc lập.

Dựa trên các số liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê Việt Nam, tổ chức Theo dõi Dữ liệu mở (Open Data Watch) đã xếp hạng Việt Nam đứng thứ 106 trên tổng 178 quốc gia về độ mở (openness). Về mặt này, Việt Nam xếp hạng cao hơn các quốc gia Mê-kông khác. Tuy nhiên, xếp hạng độ mở thay đổi theo từng hạng mục.[2] Ở Việt Nam, chênh lệch về giới trong tiếp cận công nghệ vẫn tồn tại, cụ thể hơn là qua việc sở hữu điện thoại và truy cập internet.[3] Ngoài ra cũng tồn tại chênh lệch giữa khu vực nông thôn và thành thị, một phần do các điều kiện kinh tế và cơ sở hạ tầng chưa phát triển. Tuy nhiên, trong năm 2017 nữ giới đã chiếm 41% tổng số sinh viên tốt nghiệp ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM).[4]

Pháp luật và chính sách

Hiến pháp của Việt Nam[5] bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc và bình đẳng giữa nam và nữ. Hiến pháp cũng chỉ ra rằng mọi người dân đều có quyền bình đẳng như nhau trước pháp luật. Quyền tiếp cận thông

tin cũng được ghi trong hiến pháp. Có hai Luật trực tiếp quy định các vấn đề về giới, đó là Luật về Bình đẳng giới 2006[6] và Luật Phòng chống Bạo lực Gia đình 2007[7].

Việt Nam đã phê chuẩn Công ước Quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức Phân biệt đối xử đối với Phụ nữ.

Có rất nhiều luật liên quan đến tiếp cận thông tin mặc dù chưa có khung pháp luật chính thức nào cho dữ liệu mở (open data). Luật Tiếp cận Thông tin[8] được coi là liên quan trực tiếp nhất, được ban hành vào năm 2016 và có hiệu lực vào năm 2018. Luật này cho phép hạn chế trong tiếp cận thông tin có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội, đạo đức xã hội và sức khỏe cộng đồng, mặc dù việc hạn chế tiếp cận thông tin phải do luật định. Ngoài ra, còn có Luật về Công nghệ Thông tin 2006[9] và một loạt các nghị định thi hành liên quan đến luật này. Cuối cùng, Pháp lệnh Bảo vệ Bí mật Quốc gia[10] (và các thông tư, nghị định thi hành liên quan) phối hợp với Luật Tiếp cận thông tin trong việc hạn chế tiếp cận một số loại thông tin nhất định.

Luật An ninh mạng 2015[11] trao cho nhà nước quyền bao quát với các mạng thông tin kỹ thuật số của quốc gia. Quyền riêng tư về dữ liệu được đề cập trong luật này, cũng như trong Luật về Công nghệ Thông tin. Nghị định 72/2013/NĐ-CP ban hành năm 2013 về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng (đã được sửa đổi và bổ sung tại Nghị định 27/2018/NĐ-CP), quy định về an toàn thông tin trên mạng, ngoài các vấn đề khác.

Việt Nam đã có những chiến lược liên quan đến vấn đề giới cũng như công nghệ. Trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020, công nghệ không được đề cập cụ thể, nhưng giáo dục là một nội dung quan trọng của chiến lược này. Liên quan đến công nghệ, Việt Nam có chiến lược quốc gia về “Chuyển đổi Việt Nam trở thành quốc gia

CNTT tiên tiến”, (theo Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010[12]), cùng với 2 quyết định đề ra các mục tiêu về phát triển công nghệ và cơ sở hạ tầng liên quan đến năm 2020 (Quyết định 392/QĐ-TTg (2015)), [13] chủ yếu về đầu tư và Quyết định 149/QĐ-TTg (2016)). Bên cạnh đó, Thủ tướng đã ban hành một Chỉ thị vào năm 2017 về lộ trình hướng đến Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (Chỉ thị 16/CT-TTg (2017) [14]), tới năm 2020. Chủ đề giới không được đề cập rõ ràng trong bất cứ chính sách nào kể trên.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là tổ chức chính trị xã hội đại diện cho quyền lợi của người phụ nữ ở Việt Nam.

Các phát hiện từ nghiên cứu

Những người được phỏng vấn trong nghiên cứu hiểu được tầm quan trọng của dữ liệu, họ có thể diễn đạt dữ liệu liên quan như thế nào tới công việc, vận động chính sách, tiếp cận các quyền cũng như đời sống hàng ngày. Dữ liệu được cho là có ích hơn với những người làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc chính sách so với những người lao động tay chân và làm trong ngành dịch vụ. Những người được phỏng vấn, hầu hết ở thành thị và có học thức, có sử dụng dữ liệu cũng như tiếp cận thông tin nói chung thông qua mua sắm trực tuyến, xem video, chăm sóc trẻ, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và các nội dung khác. Một số người được phỏng vấn cho rằng việc sinh sống ở thành thị và giáo dục là yếu tố quan trọng hơn yếu tố giới trong việc tiếp cận thông tin.

Cho dù ghi nhận tầm quan trọng của dữ liệu, hiểu biết về dữ liệu và kỹ năng phân tích dữ liệu cũng rất khác nhau trong nhóm những người được phỏng vấn. Họ chưa có nhiều hiểu biết về độ mở của dữ liệu và dành ưu tiên cho việc phổ biến thông tin hơn là tăng cường hiểu biết về dữ liệu. Phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn có hiểu biết nhiều hơn. Làm việc trong các lĩnh vực khác nhau cũng tạo

nên sự khác biệt: ví dụ, những người làm việc cho chính phủ có hiểu biết nhiều hơn so với những người làm việc trong các lĩnh vực khác.

Điều này liên quan tới nhu cầu về thông tin đáng tin cậy. Phụ nữ cho rằng họ có thể tiếp cận những thông tin như vậy qua các nguồn được Chính phủ cấp phép và xác minh. Với một số người, việc ưu tiên dùng dữ liệu của Chính phủ là cần thiết khi vận động cải cách chính sách, do nhận thức về tính thẩm quyền của dữ liệu và quan điểm rằng dữ liệu của Chính phủ giúp cho các nhận định của họ có uy tín hơn.

Một số phụ nữ đã thể hiện suy nghĩ của bản thân thông qua việc họ coi các vấn đề về giới, bao gồm cả việc yếu tố giới tương tác với các yếu tố khác như nơi sinh sống và điều kiện kinh tế, có ảnh hưởng đến việc tiếp cận công nghệ, khác với những người chỉ nhìn nhận những vấn đề này ở bề mặt. Phụ nữ cũng đặt mức độ tin tưởng cao vào chất lượng của dữ liệu từ nguồn Chính phủ, mà không xem xét cụ thể liệu thông tin nhận được có bị hạn chế gì không. Tuy nhiên, một số phụ nữ khác có thể mô tả những cách cụ thể để cải thiện dữ liệu và thông tin, bao gồm việc phân tách, tương tác và trình bày từ dữ liệu, bên cạnh dữ liệu thô.

Các rào cản

Những đòi hỏi về văn hóa với phụ nữ vẫn còn ăn sâu trong xã hội Việt Nam, tập trung chủ yếu vào ưu tiên cho gia đình. Những định kiến như phụ nữ nên tập trung vào các trách nhiệm gia đình và nam giới nên có một chỗ đứng ngoài xã hội. Có căn cứ về giới rằng nam giới được đầu tư nhiều hơn vào sự nghiệp, nên cần mở rộng kiến thức và vì thế cần sử dụng thông tin nhiều hơn.

Về khía cạnh thể chế, đặc biệt là văn hóa thể chế khép kín, là một rào cản đối với phụ nữ trong việc tiếp cận thông tin và dữ liệu. Có sự kiểm soát chặt chẽ của Chính phủ đối với

thông tin và có rất ít các nguồn cung cấp thông tin độc lập. Một môi trường thể chế và nghiên cứu kiểu “khép kín” dẫn đến nhu cầu tham gia vào những quy trình “quan liêu” để tiếp cận thông tin, kể cả những thông tin dễ tiếp cận nhất. Thường thì sẽ nảy sinh nhu cầu tìm kiếm từ nhiều nguồn thông tin, và không phải nguồn nào cũng có thể tương tác, do đó sẽ có những người dùng phải đối mặt với vấn đề số hoá thông tin thấp.

Điều này làm trầm trọng hơn các vấn đề với phụ nữ thiếu các kỹ năng và phương tiện tiếp cận. Phụ nữ nghèo, có trình độ học vấn thấp, ở nông thôn phải đối mặt với nhiều khó khăn hơn trong việc tiếp cận do các điều kiện về kinh tế và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin truyền thông nghèo nàn hơn. Hơn thế nữa, những người phụ nữ này, thường phải dành rất nhiều thời gian để kiếm kế sinh nhai, họ có thể không có kiến thức hoặc thời gian để tìm hiểu về dữ liệu mở, và có thể cũng không có phương tiện để tiếp cận thông tin. Đối với họ, có khả năng tiếp cận thông tin chỉ là rào cản ban đầu, không biết cách sử dụng thông tin hiệu quả được là rào cản tiếp theo.

Khuyến nghị

Đối với Chính phủ:

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông đặc biệt ở khu vực nông thôn
- Đẩy mạnh giảng dạy các kỹ năng số tại trường học, hướng đến những bài học riêng với từng giới nơi các học sinh nữ có thể học cùng với nhau.[15]
- Cung cấp các khóa đào tạo về hiểu biết dữ liệu và thành lập các nhóm hỗ trợ phụ nữ, người khuyết tật, người sống ở nông thôn và người dân tộc thiểu số để xây dựng các mạng lưới hỗ trợ theo nhu cầu của từng nhóm.[16]
- Thúc đẩy các chính sách về công nghệ thông tin và truyền thông phản ánh thực tế của người phụ nữ, đảm bảo những chính sách này phản ánh được những nhu cầu của những cộng đồng thiệt thòi nhất làm cơ sở.[17]

- Đưa ra hệ thống hạn ngạch giới đối với nhân sự ở cấp ra quyết định trong các cơ quan Chính phủ.[18]
- Xây dựng, triển khai và mở rộng các dịch vụ xã hội như chăm sóc trẻ em và nhà trẻ đồng thời hỗ trợ khung giờ làm linh hoạt cho người lao động là cha mẹ.[19]
- Tăng cường nhận thức về bình đẳng giới, thông qua các chiến dịch và giáo dục về nhạy cảm giới tổ chức định kỳ.[20]
- Xây dựng các quy định để khuyến khích các công ty thực hiện chính sách bình đẳng giới
- Cải thiện trình độ học vấn, bao gồm hiểu biết về dữ liệu.

Đối với khu vực tư nhân

- Xây dựng các chương trình học bổng, chương trình cố vấn và các chiến dịch để thúc đẩy học tập và làm việc trong lĩnh vực STEM.[21]
- Đưa vào các biện pháp khuyến khích nội bộ cho các công ty để thực hiện các chính sách về bình đẳng giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] https://www.gso.gov.vn/Default_en.aspx?tabid=766

[2] <https://odin.opendatawatch.com/>

[3] <https://theinclusiveinternet.eiu.com/explore/countries/VN/performance/indicators>

[4] <https://e.vnexpress.net/news/business/data-speaks/vietnam-among-leaders-in-apec-countries-for-female-science-graduates-3649900.html>

[5] https://data.opendevelopmentmekong.net/laws_record/hi-n-phap-nu-c-c-ng-hoa-xa-h-i-ch-nghia-vi-t-nam-2013

[6] http://ilo.org/dyn/natlex/natlex4.detail?p_lang=en&p_isn=76089&p_count=96243&p_classification=05&p_classcount=3262

[7] https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_protect/---protrav/---ilo_aids/documents/legaldocument/wcms_177877.pdf

[8] <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpqen-toanvan.aspx?ItemID=11040>.

[9] <http://vbpl.vn/daknong/Pages/vbpqen-toanvan.aspx?ItemID=4773>

[10] <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpqen-toanvan.aspx?ItemID=16>

[11] <http://vbpl.vn/bothongtin/Pages/vbpqen-toanvan.aspx?dvid=322&ItemID=11048>.

[12] <https://vanbanphapluat.co/decision-1755-qd-ttg-development-strategy-of-vietnamese-cultural-industry-2020-2030>

[13] <https://dautunuocngoai.gov.vn/detail/5732/POLICIES-TO-BOOST-INVESTMENT-IN-THE-DIGITAL-ECONOMY-IN-VIETNAM>

[14] <https://vanbanphapluat.co/decision-149-qd-ttg-program-development-broadband-telecommunications-infrastructure-2020>

[15] Dựa trên khuyến nghị từ Tổ chức Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Khối Thịnh vượng chung. 2019. Tương lai nền kinh tế số Việt Nam – Hướng tới năm 2030 và 2045. Truy cập: <https://data.vietnam.opendevelopmentmekong.net/dataset/vietname-s-future-digital-economy-towards-2030-and-2045/resource/92254144-508f-406c-b01a-d7bc94ef5b46>

[16] Dựa trên khuyến nghị từ Tổ chức Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Khối Thịnh vượng chung. 2019. Tương lai nền kinh tế số Việt Nam – Hướng tới năm 2030 và 2045. Truy cập: <https://data.vietnam.opendevelopmentmekong.net/dataset/vietname-s-future-digital-economy-towards-2030-and-2045/resource/92254144-508f-406c-b01a-d7bc94ef5b46>

[17] Ibid.

[18] Ibid.

[19] Ibid.

[20] Ibid.

[21] Dựa trên khuyến nghị từ Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương. 2018. Nâng cao quyền năng kinh tế và ICT cho phụ nữ: Nâng cao năng lực cho các doanh nhân nữ APEC trong thời đại Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 – Nội dung quan trọng từ Hội thảo và Khuyến nghị chính sách. Truy cập: http://publications.apec.org/-/media/APEC/Publications/2018/12/Womens-economic-Empowerment-and-CT/218_PPWE_Seminar-Highlights-and-Policy-Recommendations.pdf

Báo cáo Việt Nam thuộc Nghiên cứu Phụ nữ Mê-Kông và dữ liệu mở được xây dựng thông qua hợp tác giữa ODI và Viện nghiên cứu Gia đình và Giới. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Tiến sỹ Trần Thị Minh Thi và Tiến sỹ Trịnh Thái Quang đã thực hiện nghiên cứu này.

Nghiên cứu này được thực hiện dưới sự tài trợ của Trung tâm nghiên cứu phát triển quốc tế, Ottawa, Canada, www.idrc.ca, và hỗ trợ tài chính từ Chính phủ Canada thông qua Global Affairs Canada (GAC).

Nội dung của báo cáo này phản ánh quan điểm của các tác giả, không nhất thiết phản ánh quan điểm của ODI hay nhà tài trợ.